

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 129 /2022/DS-PT

Ngày: 14 / 6 /2022

V/v “Tranh chấp quyền về lối đi qua”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thanh Nhân**.

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Hồng Tâm

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Bảo Trâm** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Từ Thị Kỳ** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2021/TLPT-DS ngày 23 tháng 02 năm 2021 về việc tranh chấp “Quyền về lối đi qua bất động sản liền kề”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 183/2020/DS-ST ngày 18/12/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2021/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà **Phạm Thị K**, sinh năm 1941.

Địa chỉ: Ấp 5, xã X, thị xã G, TG.

Đại diện theo ủy quyền: ông **Bùi Thới V**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: đường số 05, phường A, quận Bình T, TP.H (Văn bản ủy quyền số 000953, quyền số 01/SCT/CK, ĐC ngày 02 tháng 6 năm 2020 của Văn Phòng công chứng P).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư **Hoàng Công Kh** – Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên V và Đồng sự.

2. Bị đơn: ông **Ngô Phong H**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Căn hộ số 15.07 chung cư L, tổ 22, khu phố 2, phường Phú Th, quận 7, TP.H.

Đại diện theo ủy quyền: bà **Lê Nguyễn Thùy U**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 75C Nguyễn Thị Minh K, phường Tân L, thành phố N, tỉnh K. (Văn bản ủy quyền số 5518, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18 tháng 4 năm 2020 của Văn phòng công chứng Trung Tâm).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông **Lê Văn Th** (tên gọi khác Phạm Văn Th), sinh năm 1960.

Địa chỉ: Ấp 5, xã X, thị xã G, TG.

Đại diện theo ủy quyền: Lê Văn Nh, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 147/2 Lưu Hữu Ph, phường 15, quận 8, Thành phố H (Văn bản ủy quyền số 004611, quyền số 09TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Văn phòng công chứng Nguyễn Nguyệt Huệ).

3.2 Ông **Lê Văn U**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp 5, xã X, thị xã G, TG.

3.3 Bà **Cao Thị L**, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Ấp 5, xã X, thị xã G, TG.

3.4 Bà **Lê Thị R**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp 5, xã X, thị xã G, TG.

3.5 Bà **Lê Thị Lệ Th**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp 5, xã X, thị xã G, TG.

3.6 Bà **Lê Thị Thu V**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 93/66/5 Lũy Bán B, phường H, quận Tân P, Thành phố H.

3.7 Ông **Trần Văn H1**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp 5, xã X, thị xã G, TG.

3.8 Bà **Lê Nguyễn Thùy U**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 75C Nguyễn Thị Minh K, phường Tân L, thành phố N, tỉnh K.

Người kháng cáo: Bị đơn ông **Ngô Phong H**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Căn hộ số 15.07 chung cư Ngọc L, tổ 22, khu phố 2, phường Phú Th, quận 7, TP.H.

(Đại diện nguyên đơn, đại diện bị đơn; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Nguyễn Thùy U, Người đại diện ông Lê Văn Th, Luật sư Hoàng Công Kh có mặt; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Lê Văn U, bà Cao Thị L, bà Lê Thị R, bà Lê Thị Lệ Th, Bà Lê Thị Thu V, ông Trần Văn H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Nguyên đơn bà Phạm Thị K và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, anh Bùi Thới V trình bày:**

Ngày 17 tháng 10 năm 1997, bà Phạm Thị K đại diện hộ gia đình được Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đ, tỉnh TG cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00111.A5.QSDĐ với diện tích 4.827m² gồm các thửa 268, 271, 302, 303 tại ấp 5, xã X, thị xã G, TG.. Năm 1999, bà K tách thửa 303 cho hộ Phạm Văn Nh; Ngày 17 tháng 5 năm 2006, chuyển nhượng 208m² thửa 271 và 1.391m² thửa 302 cho hộ Trần Văn H1, phần đất này giáp với đường đê, khi chuyển

nhượng thì bà K có thỏa thuận với anh H1 bằng lời nói là anh H1 phải chừa ra 01 lối đi ngang khoảng 4.0m, dài khoảng 50m để bà K đi ra đường. Sau đó anh H1 sang nhượng đất lại cho anh Hoàng Duy H2, anh H2 sang nhượng lại cho anh Ngô Phong H. Hiện nay quyền sử dụng đất do anh H đứng tên và anh H xây hàng rào kiên cố bít toàn bộ lối đi phía trước nhà bà K, bà K không có lối đi ra đường công cộng, giáp đất anh H là đất ao của ông Nh, bà K hiện nay lớn tuổi không thể lội ao để đi được.

Nay yêu cầu anh Ngô Phong H và chị Lê Nguyễn Thùy U mở cho hộ bà Phạm Thị K lối đi trên đất do anh H đứng tên diện tích ngang 4.0m, dài 50m với các căn cứ:

1. Bà K đã sử dụng phần đất này để làm lối đi ổn định mấy chục năm;
2. Bà K lớn tuổi đi lại khó khăn nên tạo điều kiện thuận lợi cho bà đi lại;
3. Lối đi phía sau nhà bà K là của nhiều hộ gia đình khác gồm nhà bà B và nhà những người con của bà B, họ không đồng ý cho bà K đi và lối đi này đi vòng hình chữ L rất xa.

*** Đại diện Bị đơn, chị Lê Nguyễn Thùy U trình bày:**

Ngày 18 tháng 4 năm 2019, anh H nhận chuyển nhượng thửa đất 2527, TĐĐ số BXC2 ấp 5, xã X. Ngày 27 tháng 4 năm 2020, anh H đã đứng tên quyền sử dụng đất theo điều chỉnh trang 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01000 do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp ngày 18/02/2013, số thửa mới là 114, TĐĐ số 07 diện tích 4.708,3m². Phần đất anh H giáp ranh phần đất của bà Phạm Thị K ở phía bắc.

Anh H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà K với các lý do sau:

- Khi làm thủ tục sang nhượng đất từ anh H2 sang cho anh H, các bên đã ký giáp ranh, không ai tranh chấp;
- Trên bản đồ địa chính VN 2000 không thể hiện đất của bà K có lối đi như bà K yêu cầu;
- Khi bà K sang nhượng đất cho anh H1 thì đất này là đất ao trồng rau muống, bà K không sử dụng đất này để làm lối đi mà đi lối đi khác phía sau nhà bà K, đi chung lối đi với bà Phạm Thị B là chị bà K;
- Khi anh H1 san lấp mặt bằng để kinh doanh vật tư thì bà K thấy thuận tiện nên đi chung với anh H1;
- Trên phần đất anh H đã xây hàng rào kiên cố, khi xây hàng rào chị trực tiếp gặp anh Th con trai bà K để trao đổi thì anh Th nói đất của anh H, anh H cứ xây, gia đình anh đi chung với đất của bà B.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn Th có đại diện theo ủy quyền là Lê Văn Nh trình bày:**

Ông Th là thành viên trong hộ của bà K, khi bà K sang nhượng đất cho ông H1, ông Th không có ký tên. Đất hiện nay anh H đứng tên và anh H xây tường bê tông bít lối đi của gia đình bà K nên ông Th thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà K. Vì hiện nay bà K không còn lối đi nào khác; bà K sử dụng lối đi này từ những năm 1975 lúc đó là ruộng có bờ đi giữa ruộng; lối đi phía sau nhà bà K chỉ cho đi tạm trong thời gian chờ Tòa án giải quyết; sát tường rào của anh H là ao trồng của hộ ông Nh nên không thể đi được.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn H1 trình bày:**

Trước đây, bà K sử dụng lối đi phía sau qua đất bà Phạm Thị B để đi ra đường cộng cộng vì phần đất phía trước nhà của bà K là đất ao trũng, không có lối đi. Năm 2006, bà K chuyển nhượng phần đất ao lại cho ông. Sau khi nhận chuyển nhượng ông san lấp mặt bằng thì bà K thấy thuận tiện nên xin đi chung. Năm 2014, ông chuyển nhượng đất lại cho anh H2 và năm 2019 anh H2 chuyển nhượng lại cho anh H. Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà K, anh không có ý kiến, đề nghị Tòa xét xử theo quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 183/2020/DS-ST ngày 18/12/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ :

- Căn cứ các điều 26, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị K:

Buộc anh Ngô Phong H và chị Lê Nguyễn Thùy U cùng có nghĩa vụ:

- Mở cho bà Phạm Thị K lối đi diện tích 107,8m² cụ thể như sau:

Vị trí tứ cận:

+ Đông giáp đất Phạm Văn Nh số đo 21.28m và giáp Phạm Thị B số đo 31.07m;

+ Tây giáp đất còn lại của anh Ngô Phong H số đo 53.95m;

+ Nam giáp đường Huyện 99C đá số đo 2.30m;

+ Bắc giáp đất bà Phạm Thị K số đo 2.30m.

- Buộc anh Ngô Phong H và chị Lê Nguyễn Thùy U có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời phần tường rào bằng bê tông ngang 2.30m, cao 2.25m tại vị trí phía Bắc giáp với đất bà Phạm Thị K ra khỏi thửa đất 114, TĐĐ số 07 theo hồ sơ chuyển nhượng số 001000.CN.001 ngày 27 tháng 4 năm 2020 cho anh Ngô Phong H đứng tên;

- Buộc anh Ngô Phong H và chị Lê Nguyễn Thùy U cho bà Phạm Thị K sử dụng cửa sắt nhỏ chiều cao 2.1m , ngang 1,625m, có 01 trụ cột bê tông nổi cánh cửa ngang 0,675m. Tại vị trí phía Nam giáp đường Huyện 99C đá.

Địa chỉ thửa đất: Ấp 5, xã X, thị xã G, TG.

Thời hạn thực hiện là ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Có sơ đồ kèm theo.

- Buộc bà Phạm Thị K có nghĩa vụ đền bù giá trị đất diện tích 107,8m² nêu trên cho anh Ngô Phong H và chị Lê Nguyễn Thùy U với số tiền 17.701.080 đồng, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Ngô Phong H và chị Lê Nguyễn Thùy U có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, hàng tháng bà Phạm Thị K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Anh Ngô Phong H và chị Lê Nguyễn Thùy U chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng);

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/12/2020, bị đơn ông Ngô Phong H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử hủy bản án sơ thẩm, không đồng ý mở lối đi cho hộ bà Phạm Thị K.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị hủy bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
- Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ý kiến:

Mặc dù hiện tại hộ bà Phạm Thị K đã đắp được lối đi ngang 3m từ thửa đất của bà Khả ra đến đường Huyện 99B nên đã có lối đi. Tuy nhiên lối đi này nằm ở vị trí ranh đất của ông Ngô Phong H, ông Phạm Văn Nh, bà Phạm Thị B tương lai có thể sẽ phát sinh tranh chấp giữa ông Nh, bà B và ông H. Do vậy, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Phong H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị K.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng nội qui phòng xử án và thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng pháp luật.

Về nội dung : Nhận thấy, đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn luật định nên được xem xét.

Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến tranh luận tại phiên tòa (có bài phát biểu), Kiểm sát viên có ý kiến như sau: Bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị K là không phù hợp quy định của pháp luật. Tuy nhiên ông Ngô Phong H kháng cáo yêu cầu hủy bản án là không cần thiết. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Phong H. Sửa bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị K.

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kháng cáo của nguyên đơn, lời trình bày của các đương sự và

kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn U, bà Cao Thị L, bà Lê Thị R, bà Lê Thị Lệ Th, Bà Lê Thị Thu V, ông Trần Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự .

[2] Xét đơn kháng cáo của ông Ngô Phong H nộp trong thời hạn, đúng với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “tranh chấp quyền về lối đi qua ” thuộc trường hợp tranh chấp các quyền khác đối với tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định pháp luật.

[4] Xét nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Phong H: yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị K, xét thấy:

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27/5/2022, hiện trạng phần đất của bà Phạm Thị K đang sử dụng thuộc thửa 271, tờ bản đồ BX-C2 diện tích 941m², trong giai đoạn xét xử phúc thẩm hiện trạng thửa đất có thay đổi. Hộ bà Phạm Thị K đã được đắp lối đi nằm cặp bên ngoài bức tường rào của ông Ngô Phong H, kích thước và vị trí (có sơ đồ kèm theo biên bản thẩm định) như sau:

- Phía Đông giáp phần đất bà Phạm Thị B và ông Phạm Văn Nh, chiều dài 80,85m.

- Phía Tây giáp tường rào ông Ngô Phong H chiều dài 53,44m; giáp đất bà Phạm Thị K 27,67m.

- Phía Nam giáp Đường huyện 99C, chiều dài 3,03m.

- Phía Bắc giáp đất bà Phạm Thị B chiều dài 3,3m

Theo lời khai bà Phạm Thị B, ông Phạm Văn Nh thống nhất cho bà K đắp bờ và sử dụng lối đi này để ra đường công cộng, không ai tranh chấp và cản trở quyền sử dụng lối đi này của hộ bà Phạm Thị K. Ông Ngô Phong H cũng không có rào chắn, cản trở hộ bà Phạm Thị K sử dụng lối đi này. Ngoài ra, phía sau nhà bà K vẫn còn lối đi qua đất của bà Phạm Thị Bê để đi ra đường công cộng bà Bê cũng không có cản trở.

Như vậy, thửa đất nêu trên của hộ bà Phạm Thị K mặc dù bị vây bọc bởi các bất động sản xung quanh nhưng hộ bà K vẫn có lối đi ra đường công cộng ngay trước nhà bà K rất thuận tiện.

Mặt khác, hiện trạng lối đi theo bản án sơ thẩm mở cho hộ bà Phạm Thị K nằm trên thửa đất ông Ngô Phong H, hiện trạng ông H đã xây dựng hàng rào bê tông kiên cố xung quanh cao 2,25m, dài (52,35m + 2.3m); cửa sắt chiều cao 2.1m, ngang 1,625m, có 01 trụ cột bê tông nổi cánh cửa ngang 0,675m. Mặt khác thửa đất của ông H đang sử dụng làm xưởng đóng tàu, chứa nhiều trang thiết bị, tài sản giá trị lớn và nhiều nhân công làm việc trên đất. Nếu mở lối đi cho bà K, diện tích đất của ông H bị giảm (hẹp chiều ngang) không đảm bảo nhu cầu hoạt động, sản xuất của ông H, đồng thời phải di dời hàng rào sang phần đất còn lại để bảo vệ tài sản của ông là rất khó khăn và tốn kém. Vì hàng rào ông H đã xây kiên cố không di dời được, buộc phải xây dựng lại. Do vậy nếu tính giá trị tài sản ông H bị thiệt hại bao gồm: giá trị quyền sử dụng đất, giá trị hàng rào bê tông diện tích 123m², cánh cửa sắt diện tích (2,1m x 1,625m). Tuy nhiên cấp sơ thẩm xác định chỉ thiệt hại giá trị quyền sử dụng đất là không phù hợp.

Do đó việc mở lối đi cho bà Phạm Thị K trên phần đất của ông Ngô Phong H sẽ gây thiệt hại rất lớn cho thửa đất của ông H nên không được coi là thuận tiện và hợp lý nhất. Hộ bà K sử dụng lối đi đã được mở nêu trên để đi ra đường công cộng đảm bảo nhu cầu về lối đi cho bà hộ Khá và ít gây thiệt hại cho bất động sản mở lối đi nên được coi là thuận tiện và hợp lý nhất.

Bản án DSST xử chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị K, buộc ông Ngô Phong H, bà Lê Nguyễn Thùy U phải tháo dỡ bức tường rào mở lối đi 107,8m² cho bà Phạm Thị K trên đất ông H là không phù hợp với quy định của Điều 254 Bộ luật dân sự và hiện trạng sử dụng của các thửa đất. Ông Ngô Phong H kháng cáo không chấp nhận mở lối đi cho bà Phạm Thị K là có căn cứ. Tuy

nhiên ông H yêu cầu hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm là không cần thiết. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Phong H sửa bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị K.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị K không được chấp nhận nên bà K phải chịu án phí DSST theo quy định pháp luật. Tuy nhiên bà Phạm Thị K là người cao tuổi theo Điều 2 Luật Người cao tuổi. Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử miễn án phí DSST cho bà Phạm Thị K.

Do Hội đồng xét xử sửa bản án DSST nên ông Ngô Phong H không phải chịu án phí DSPT theo quy định.

[6] Xét ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Phạm Thị K là không phù hợp quy định của pháp luật như đã phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều Điều 26, Điều 148, Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 296 và khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 12, Điều 14, Điều 15, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Phong H. Sửa bản án sơ thẩm số: 183/2020/DS-ST ngày 18/12/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị K về việc yêu cầu anh Ngô Phong H và chị Lê Nguyễn Thùy U cùng có nghĩa vụ mở cho bà Phạm Thị K lối đi diện tích 107,8 m², thuộc thửa đất 114, TĐĐ số 07 theo hồ sơ chuyển nhượng số 001000.CN.001 ngày 27 tháng 4 năm 2020 do anh Ngô Phong H đứng tên, tại vị trí phía Bắc giáp với đất bà Phạm Thị K.

2. Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí DSST cho bà Phạm Thị K.

Hoàn lại cho ông Ngô Phong H số 300.000 đồng tạm ứng án phí DSPT theo biên lai thu số 0019225 ngày 28/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND Tx. Gò Công, TG;
- CCTHADS TX. Gò Công, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Nhàn